

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BÌNH DƯƠNG

HĐCT SỐ 41 - THPT TÂY NAM

Khóa thi: 28,29 tháng 05 năm 2025

TT	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh (Tỉnh hoặc Thành phố)	Năm lớp 9	NV1	NV2	Điểm Ưu tiên, KK	Ghi chú Ưu tiên, KK gì?	Mã trường ĐKDT	Mã Hội đồng thi	Phòng thi đại trà
							học tại trường							
1	2	3	4	5	6	7	8	12	13	15	16	19	20	(22)
1	220001	LÊ KHẢ	ÁI	Nữ	01/01/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Phú An	22	24	1	DT	22	41	Phòng 1
2	220002	NGUYỄN NGÔ NHƯ	ÁI	Nữ	02/10/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 1
3	220003	HÀ TRIỆU THANH	AN	Nữ	07/09/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24	1	DT	22	41	Phòng 1
4	220004	LÊ BẢO	AN	Nam	04/06/2010	Bình Dương	Trường THCS An Điền	22	24			22	41	Phòng 1
5	220005	LƯƠNG HOÀI BẢO	AN	Nam	16/11/2010	Bình Dương	Trường THCS Thới Hòa	22	23			22	41	Phòng 1
6	220006	MAI HOÀNG	AN	Nam	23/06/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 1
7	220007	NGUYỄN THANH	AN	Nam	05/02/2010	Tây Ninh	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 1
8	220008	NGUYỄN THỊ THANH	AN	Nữ	03/06/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 1
9	220009	NGUYỄN TRỊNH PHƯỚC	AN	Nam	15/10/2010	Bình Dương	Trường THCS Lê Quý Đôn	22	23			22	41	Phòng 1
10	220010	PHẠM NGUYỄN NAM	AN	Nam	27/02/2010	Quảng Bình	Trường THCS Thới Hòa	22	23			22	41	Phòng 1
11	220011	PHẠM VĂN	AN	Nam	11/08/2010	Đắk Lắk	Trường THCS Lê Quý Đôn	22	23			22	41	Phòng 1
12	220012	ĐÀO THỤY TRÂM	ANH	Nữ	07/07/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Lê Quý Đôn	22	23			22	41	Phòng 1
13	220013	ĐỖ ĐỨC	ANH	Nam	14/03/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Mỹ Thạnh	22				22	41	Phòng 1
14	220014	ĐỖ THỊ KIM	ANH	Nữ	06/02/2010	Thái Bình	Trường THCS Thới Hòa	22	23			22	41	Phòng 1
15	220015	HOÀNG THỊ LAN	ANH	Nữ	15/11/2010	Nghệ An	Trường THCS Thới Hòa	22	23			22	41	Phòng 1
16	220016	HOÀNG TUẤN	ANH	Nam	26/04/2010	TP. Hà Nội	Trường THCS Phú An	22	24	1	DT	22	41	Phòng 1
17	220017	HOÀNG VIỆT	ANH	Nam	26/04/2010	TP. Hà Nội	Trường THCS Phú An	22	24	1	DT	22	41	Phòng 1
18	220018	HỒ QUỲNH	ANH	Nữ	20/09/2010	Nghệ An	Trường THCS Thới Hòa	22	23			22	41	Phòng 1
19	220019	HỒ TƯỜNG	ANH	Nữ	19/02/2010	Long An	Trường THCS An Điền	22	24			22	41	Phòng 1
20	220020	HUỲNH LÊ LAN	ANH	Nữ	19/09/2010	Tây Ninh	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 1
21	220021	HUỲNH TUẤN	ANH	Nam	24/05/2010	Cà Mau	Trường THCS Lê Quý Đôn	22	23			22	41	Phòng 1
22	220022	LÊ HẢI	ANH	Nam	15/04/2010	Thanh Hóa	Trường THCS Thới Hòa	22	23			22	41	Phòng 1
23	220023	LÊ HOÀNG	ANH	Nam	05/04/2010	Bình Dương	Trường THCS Thới Hòa	22	23			22	41	Phòng 1
24	220024	LÊ TUẤN	ANH	Nam	11/07/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 1

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BÌNH DƯƠNG

HĐCT SỐ 41 - THPT TÂY NAM

Khóa thi: 28,29 tháng 05 năm 2025

TT	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh (Tỉnh hoặc Thành phố)	Năm lớp 9	NV1	NV2	Điểm Ưu tiên, KK	Ghi chú Ưu tiên, KK gì?	Mã trường ĐKDT	Mã Hội đồng thi	Phòng thi đại trà
							học tại trường							
1	2	3	4	5	6	7	8	12	13	15	16	19	20	(22)
25	220025	LƯƠNG NGỌC KIM	ANH	Nữ	11/01/2010	Cà Mau	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 2
26	220026	MAI NGỌC THÚY	ANH	Nữ	02/01/2010	TP. Cần Thơ	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 2
27	220027	NGUYỄN HOÀI	ANH	Nữ	10/04/2010	Bình Dương	Trường THCS Thới Hòa	22	23			22	41	Phòng 2
28	220028	NGUYỄN HOÀNG	ANH	Nam	02/02/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 2
29	220029	NGUYỄN LAN	ANH	Nữ	06/01/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Mỹ Thạnh	22	23			22	41	Phòng 2
30	220030	NGUYỄN MAI NGỌC	ANH	Nữ	07/09/2010	Bình Dương	Trường THCS Lê Quý Đôn	22				22	41	Phòng 2
31	220031	NGUYỄN NGỌC MINH	ANH	Nữ	16/07/2010	Bạc Liêu	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 2
32	220032	NGUYỄN NGỌC TRÂM	ANH	Nữ	03/03/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 2
33	220033	NGUYỄN NHẬT	ANH	Nam	13/09/2010	TP. Hà Nội	Trường THCS Lê Quý Đôn	22				22	41	Phòng 2
34	220034	NGUYỄN PHẠM QUỲNH	ANH	Nữ	19/07/2010	Bình Dương	Trường THCS Thới Hòa	22	23			22	41	Phòng 2
35	220035	NGUYỄN QUỐC	ANH	Nam	02/01/2010	Vĩnh Phúc	Trường THCS Lê Quý Đôn	22	23			22	41	Phòng 2
36	220036	NGUYỄN TÂM	ANH	Nữ	21/08/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 2
37	220038	NGUYỄN THỂ	ANH	Nam	01/05/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 2
38	220037	NGUYỄN THỂ	ANH	Nam	06/07/2010	Thái Nguyên	Trường THCS Lê Quý Đôn	22	23			22	41	Phòng 2
39	220039	NGUYỄN THỊ KIM	ANH	Nữ	07/02/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 2
40	220040	NGUYỄN THỊ LAN	ANH	Nữ	13/03/2010	Hậu Giang	Trường THCS Lê Quý Đôn	22	23			22	41	Phòng 2
41	220041	NGUYỄN THỊ TRÂM	ANH	Nữ	09/02/2010	Đồng Nai	Trường THCS Bình Phú	22	17			22	41	Phòng 2
42	220042	NGUYỄN THỊ TRÂM	ANH	Nữ	24/06/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 2
43	220043	NGUYỄN TRÂM	ANH	Nữ	11/11/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	04			22	41	Phòng 2
44	220044	NGUYỄN TRẦN THỂ	ANH	Nam	02/10/2010	An Giang	Trường THCS Bình Phú	22	17			22	41	Phòng 2
45	220045	NGUYỄN TUẤN	ANH	Nam	20/05/2010	Hải Dương	Trường THCS Phú An	22	23			22	41	Phòng 2
46	220046	NÔNG HÀ HẢI	ANH	Nữ	01/02/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THPT Thanh Tuyển	22	24			22	41	Phòng 2
47	220047	PHẠM LAN	ANH	Nữ	16/10/2010	Bình Dương	Trường THCS An Bình	22	08			22	41	Phòng 2
48	220048	PHẠM TRÂM	ANH	Nữ	23/01/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS An Điền	22	24			22	41	Phòng 2

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BÌNH DƯƠNG

HĐCT SỐ 41 - THPT TÂY NAM

Khóa thi: 28,29 tháng 05 năm 2025

TT	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh (Tỉnh hoặc Thành phố)	Năm lớp 9	NV1	NV2	Điểm Ưu tiên, KK	Ghi chú Ưu tiên, KK gì?	Mã trường ĐKDT	Mã Hội đồng thi	Phòng thi đại trà
							học tại trường							
1	2	3	4	5	6	7	8	12	13	15	16	19	20	(22)
49	220049	TẠ QUỲNH	ANH	Nữ	17/09/2010	Thừa Thiên Huế	Trường THCS Thới Hòa	22	17			22	41	Phòng 3
50	220050	THÁI KIM	ANH	Nữ	13/06/2010	Bình Dương	Trường THCS Lê Quý Đôn	22	23			22	41	Phòng 3
51	220051	TRẦN HOÀNG	ANH	Nam	27/02/2010	Hà Tĩnh	Trường THCS Thới Hòa	22	23			22	41	Phòng 3
52	220052	TRẦN NGỌC TRÂM	ANH	Nữ	14/11/2010	Bình Dương	Trường THCS Thới Hòa	22	17			22	41	Phòng 3
53	220053	TRỊNH THỊ NGỌC	ANH	Nữ	07/06/2010	Thanh Hóa	Trường THCS Chánh Phú Hòa	22	17			22	41	Phòng 3
54	220054	VÕ NGỌC	ANH	Nữ	24/04/2010	Bình Dương	Trường THCS Thới Hòa	22	23			22	41	Phòng 3
55	220055	VÕ QUỲNH	ANH	Nữ	20/06/2010	Tiền Giang	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 3
56	220056	VÕ THỊ TUYẾT	ANH	Nữ	13/12/2010	An Giang	Trường THCS An Điền	22	24			22	41	Phòng 3
57	220057	VŨ NGUYỄN QUỲNH	ANH	Nữ	16/12/2009	Bà Rịa - Vũng Tàu	Trường THCS Thới Hòa	22	17			22	41	Phòng 3
58	220058	KHUU NGỌC	ẢNH	Nữ	24/02/2010	An Giang	Trường THCS Lê Quý Đôn	22	23			22	41	Phòng 3
59	220059	BUI THIÊN	ẢN	Nam	23/09/2010	Bình Phước	Trường THCS Thới Hòa	22	23			22	41	Phòng 3
60	220060	BUI XUÂN BẢO	ẢN	Nam	26/12/2010	Bình Dương	Trường THCS An Điền	22	24			22	41	Phòng 3
61	220061	NGUYỄN THỊ THU	ẢN	Nữ	29/06/2010	Quảng Nam	Trường THCS Lê Quý Đôn	22	23			22	41	Phòng 3
62	220062	CHÂU GIA	BẢO	Nam	22/01/2010	Bình Dương	Trường THCS Tương Bình Hiệp	22	04			22	41	Phòng 3
63	220063	ĐÀO GIA	BẢO	Nam	09/10/2010	Nam Định	Trường THCS Thới Hòa	22	23			22	41	Phòng 3
64	220064	ĐUÔNG NGUYỄN GIA	BẢO	Nam	06/01/2010	Bình Dương	Trường THCS Thới Hòa	22	23			22	41	Phòng 3
65	220065	LÊ GIA	BẢO	Nam	08/12/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 3
66	220066	LÊ HOÀNG	BẢO	Nam	13/06/2010	Bình Dương	Trường THCS Thới Hòa	22	23			22	41	Phòng 3
67	220067	LÊ HUỖNH GIA	BẢO	Nam	10/09/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 3
68	220068	LÊ HUỖNH TÔN	BẢO	Nam	25/06/2010	Bình Dương	Trường THCS Thới Hòa	22	23			22	41	Phòng 3
69	220069	NGÔ GIA	BẢO	Nam	03/03/2010	Bình Dương	Trường THCS Chánh Phú Hòa	22	17			22	41	Phòng 3
70	220070	NGUYỄN ANH THỂ	BẢO	Nam	21/01/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 3
71	220071	NGUYỄN QUỐC	BẢO	Nam	31/05/2010	Bình Dương	Trường THCS An Điền	22	24			22	41	Phòng 3
72	220072	NGUYỄN QUỐC	BẢO	Nam	27/02/2010	Bình Dương	Trường THCS An Điền	22	24			22	41	Phòng 3

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BÌNH DƯƠNG

HĐCT SỐ 41 - THPT TÂY NAM

Khóa thi: 28,29 tháng 05 năm 2025

TT	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh (Tỉnh hoặc Thành phố)	Năm lớp 9	NV1	NV2	Điểm Ưu tiên, KK	Ghi chú Ưu tiên, KK gì?	Mã trường ĐKDT	Mã Hội đồng thi	Phòng thi đại trà
							học tại trường							
1	2	3	4	5	6	7	8	12	13	15	16	19	20	(22)
73	220073	NGUYỄN TRƯỜNG GIA	BẢO	Nam	11/04/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 4
74	220074	PHẠM GIA	BẢO	Nam	29/11/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 4
75	220075	THÁI GIA	BẢO	Nam	15/03/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 4
76	220076	TRẦN HUỖNH GIA	BẢO	Nam	21/01/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 4
77	220077	TRẦN NGUYỄN	BẢO	Nam	12/10/2009	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Phú An	22				22	41	Phòng 4
78	220078	TRẦN QUỐC	BẢO	Nam	29/07/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 4
79	220079	TRẦN VĂN THIÊN	BẢO	Nam	11/11/2010	An Giang	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 4
80	220080	VÕ GIA	BẢO	Nam	07/10/2008	An Giang	Trường THCS Thới Hòa	22	23			22	41	Phòng 4
81	220081	NGUYỄN XUÂN	BẮC	Nam	17/12/2010	Bình Dương	Trường THCS Thới Hòa	22	23			22	41	Phòng 4
82	220082	NGUYỄN NGỌC KHÁNH	BẮNG	Nữ	29/05/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 4
83	220083	THÔNG TIỂU BĂNG	BẮNG	Nữ	19/05/2010	Đồng Nai	Trường THCS Lê Quý Đôn	22		1	DT	22	41	Phòng 4
84	220084	ĐINH THỊ NGỌC	BÍCH	Nữ	17/12/2010	Đồng Nai	Trường THCS Mỹ Thạnh	22	23			22	41	Phòng 4
85	220085	CHU KIM	BÌNH	Nữ	08/02/2010	Bình Phước	Trường THCS Thới Hòa	22	23			22	41	Phòng 4
86	220086	PHẠM MINH	BÌNH	Nam	19/08/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	25			22	41	Phòng 4
87	220087	TRẦN QUANG	BÌNH	Nam	22/06/2010	Thái Bình	Trường THCS Thới Hòa	22	23			22	41	Phòng 4
88	220088	TỬ TRƯỞNG THIÊN	CẨM	Nữ	05/11/2010	Bình Dương	Trường THCS Lê Quý Đôn	22	23			22	41	Phòng 4
89	220089	NGUYỄN NGỌC	CHÂU	Nữ	24/10/2009	Cà Mau	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 4
90	220090	NGUYỄN NGỌC BẢO	CHÂU	Nữ	30/03/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 4
91	220091	PHẠM NGUYỄN BẢO	CHÂU	Nữ	14/07/2009	Thanh Hóa	Trường ngoại tỉnh	22	24			22	41	Phòng 4
92	220092	TRẦN THỊ BẢO	CHÂU	Nữ	28/09/2010	Thừa Thiên Huế	Trường THCS Thới Hòa	22	17			22	41	Phòng 4
93	220093	VÕ THỊ A	CHÂU	Nữ	27/01/2010	Kiên Giang	Trường THCS An Điền	22	24			22	41	Phòng 4
94	220094	TRƯƠNG DOANH	CHÍNH	Nam	24/03/2010	Bình Phước	Trường THCS Thới Hòa	22	23	1	DT	22	41	Phòng 4
95	220095	ĐẶNG KIM	CƯỜNG	Nữ	26/04/2010	Cà Mau	Trường THCS Lê Quý Đôn	22	23			22	41	Phòng 4
96	220096	LÊ VÕ QUỐC	CƯỜNG	Nam	03/10/2010	Bình Dương	Trường THCS An Điền	22	24			22	41	Phòng 4
97	220097	NGUYỄN TRỌNG	CƯỜNG	Nam	27/10/2010	Hà Tĩnh	Trường THCS An Điền	22	24			22	41	Phòng 5

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BÌNH DƯƠNG

HĐCT SỐ 41 - THPT TÂY NAM

Khóa thi: 28,29 tháng 05 năm 2025

TT	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh (Tỉnh hoặc Thành phố)	Năm lớp 9	NV1	NV2	Điểm Ưu tiên, KK	Ghi chú Ưu tiên, KK gì?	Mã trường ĐKDT	Mã Hội đồng thi	Phòng thi đại trà
							học tại trường							
1	2	3	4	5	6	7	8	12	13	15	16	19	20	(22)
98	220098	TRẦN HUY	CUÔNG	Nam	28/07/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 5
99	220099	DƯƠNG THÀNH	DANH	Nam	07/07/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 5
100	220100	ĐINH TẤN	DANH	Nam	06/01/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 5
101	220101	NGUYỄN NGỌC	DANH	Nam	06/07/2010	Bắc Giang	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 5
102	220102	NGUYỄN THÀNH	DANH	Nam	01/07/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 5
103	220103	NGUYỄN THẾ	DÂN	Nam	15/03/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	28			22	41	Phòng 5
104	220104	THẠCH NGỌC	DÂN	Nữ	08/07/2010	Trà Vinh	Trường THCS An Điền	22	24	1	DT	22	41	Phòng 5
105	220105	NGUYỄN LÊ HỒNG	DIỄM	Nữ	15/04/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 5
106	220106	NGUYỄN THỊ NGỌC	DIỄM	Nữ	16/07/2010	Thanh Hóa	Trường THCS Phú An	22	24	1	DT	22	41	Phòng 5
107	220107	PHU THÚY	DIỄM	Nữ	12/04/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 5
108	220108	LÊ NGỌC	DIỆP	Nữ	12/11/2009	Bình Dương	Trường ngoại tỉnh	22	24			22	41	Phòng 5
109	220109	LÊ THỊ NGỌC	DIỆP	Nữ	25/07/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS An Điền	22	24			22	41	Phòng 5
110	220110	LÌU SAY	DIỆP	Nữ	24/02/2010	Đồng Nai	Trường THCS Phú An	22	24	1	DT	22	41	Phòng 5
111	220111	ĐÀO ĐẶNG TUẤN	DỪNG	Nam	11/11/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 5
112	220112	ĐẶNG TRẦN QUANG	DỪNG	Nam	11/08/2010	Hà Tĩnh	Trường THCS An Điền	22	24			22	41	Phòng 5
113	220113	NGUYỄN HOÀNG	DỪNG	Nam	10/01/2009	Bình Dương	Trường THCS Bình Phú	22	17			22	41	Phòng 5
114	220114	NGUYỄN HÙNG	DỪNG	Nam	18/12/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 5
115	220115	NGUYỄN NGỌC	DỪNG	Nam	28/01/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Bình Trọng	22				22	41	Phòng 5
116	220116	NGUYỄN TẤN	DỪNG	Nam	06/04/2010	Bình Dương	Trường THCS An Điền	22	24			22	41	Phòng 5
117	220117	NGUYỄN TRÍ	DỪNG	Nam	24/03/2009	Bình Phước	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 5
118	220118	VŨ MẠNH	DỪNG	Nam	08/01/2010	Bình Dương	Trường THCS Lê Quý Đôn	22	23			22	41	Phòng 5
119	220119	CAO BẢO	DUY	Nam	14/08/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 5
120	220120	ĐẶNG THUY	DUY	Nữ	07/03/2010	Bình Dương	Trường THCS Lê Quý Đôn	22	24			22	41	Phòng 5

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BÌNH DƯƠNG

HĐCT SỐ 41 - THPT TÂY NAM

Khóa thi: 28,29 tháng 05 năm 2025

TT	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh (Tỉnh hoặc Thành phố)	Năm lớp 9	NV1	NV2	Điểm Ưu tiên, KK	Ghi chú Ưu tiên, KK gì?	Mã trường ĐKDT	Mã Hội đồng thi	Phòng thi đại trà
							học tại trường							
1	2	3	4	5	6	7	8	12	13	15	16	19	20	(22)
121	220121	NGUYỄN HOÀNG	DUY	Nam	24/10/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 6
122	220122	NGUYỄN HỮU	DUY	Nam	17/04/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 6
123	220123	NGUYỄN HỮU	DUY	Nam	20/06/2010	Bình Dương	Trường THCS An Điền	22	24			22	41	Phòng 6
124	220124	NGUYỄN KHÁNH	DUY	Nam	02/11/2010	Bình Dương	Trường THCS An Điền	22	24			22	41	Phòng 6
125	220125	PHẠM THÀNH	DUY	Nam	11/05/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 6
126	220126	TRẦN ANH	DUY	Nam	26/09/2010	Bình Dương	Trường THCS An Điền	22	24			22	41	Phòng 6
127	220127	TRƯƠNG HOÀNG	DUY	Nam	26/01/2010	Bình Dương	Trường THCS Lê Quý Đôn	22	23			22	41	Phòng 6
128	220128	TRƯƠNG LÊ	DUY	Nam	07/08/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Lê Quý Đôn	22	23			22	41	Phòng 6
129	220129	VŨ ĐỨC	DUY	Nam	08/01/2010	TP. Hải Phòng	Trường THCS Thới Hòa	22	23			22	41	Phòng 6
130	220130	BÙI THỊ MỸ	DUYÊN	Nữ	11/04/2010	Bình Dương	Trường THCS An Điền	22	24			22	41	Phòng 6
131	220131	CAO NGUYỄN KỶ	DUYÊN	Nữ	26/09/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 6
132	220132	ĐINH HOÀNG KỶ	DUYÊN	Nữ	30/08/2010	Bình Dương	Trường THCS Bình Phú	22	23			22	41	Phòng 6
133	220133	DƯƠNG HOÀNG	DƯƠNG	Nam	31/01/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 6
134	220134	ĐẶNG THỊ THUY	DƯƠNG	Nữ	12/11/2010	Đồng Tháp	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 6
135	220135	LÊ THỊ HỒNG	DƯƠNG	Nữ	20/04/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 6
136	220136	LÊ THỊ THUY	DƯƠNG	Nữ	30/09/2010	An Giang	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 6
137	220137	NGUYỄN ĐẠI	DƯƠNG	Nam	09/12/2010	Đắk Lắk	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 6
138	220138	NGUYỄN ĐẶNG ÁNH	DƯƠNG	Nữ	04/06/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS An Điền	22	24			22	41	Phòng 6
139	220139	NGUYỄN THUY	DƯƠNG	Nữ	03/12/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 6
140	220140	TRẦN HẢI	DƯƠNG	Nữ	20/10/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 6
141	220141	TRƯƠNG THÁI	DƯƠNG	Nam	31/01/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 6
142	220142	NGUYỄN THỊ LIÊN	ĐA	Nữ	03/02/2010	Vĩnh Long	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 6
143	220143	ĐỖ MINH	ĐẠT	Nam	20/07/2010	Bình Dương	Trường THCS An Điền	22	24			22	41	Phòng 6
144	220144	NGUYỄN HỮU	ĐẠT	Nam	15/07/2010	Bình Dương	Trường THCS Lê Quý Đôn	22	23			22	41	Phòng 6

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BÌNH DƯƠNG

HĐCT SỐ 41 - THPT TÂY NAM

Khóa thi: 28,29 tháng 05 năm 2025

TT	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh (Tỉnh hoặc Thành phố)	Năm lớp 9	NV1	NV2	Điểm Ưu tiên, KK	Ghi chú Ưu tiên, KK gì?	Mã trường ĐKDT	Mã Hội đồng thi	Phòng thi đại trà
							học tại trường							
1	2	3	4	5	6	7	8	12	13	15	16	19	20	(22)
145	220145	NGUYỄN TẤN	ĐẠT	Nam	31/05/2010	Bình Dương	Trường THCS Bình Phú	22	23			22	41	Phòng 7
146	220147	NGUYỄN THÀNH	ĐẠT	Nam	03/03/2010	Bình Dương	Trường THCS An Điền	22	24			22	41	Phòng 7
147	220146	NGUYỄN THÀNH	ĐẠT	Nam	08/12/2010	Bình Dương	Trường THCS Bình Phú	22	04			22	41	Phòng 7
148	220148	NGUYỄN TIẾN	ĐẠT	Nam	17/06/2009	TP. Hồ Chí Minh	Trường ngoại tỉnh	22				22	41	Phòng 7
149	220149	PHẠM VÕ THÀNH	ĐẠT	Nam	10/07/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 7
150	220150	TRẦN QUỐC	ĐẠT	Nam	26/03/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 7
151	220151	TRẦN TIẾN	ĐẠT	Nam	06/03/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 7
152	220152	TRỊNH TẤT	ĐẠT	Nam	16/02/2010	Quảng Nam	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 7
153	220153	NGUYỄN HẢI	ĐĂNG	Nam	26/09/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 7
154	220154	ĐOÀN TRẦN MINH	ĐIỀN	Nam	08/11/2010	Bình Dương	Trường THCS Lê Quý Đôn	22	23			22	41	Phòng 7
155	220155	PHAN TRỌNG	ĐỒ	Nam	05/08/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 7
156	220156	NGUYỄN THANH	ĐỒNG	Nam	23/03/2010	An Giang	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 7
157	220157	NGUYỄN MINH	ĐỨC	Nam	16/01/2010	Bình Phước	Trường THCS Trần Bình Trọng	22	04			22	41	Phòng 7
158	220158	PHẠM MINH	ĐỨC	Nam	06/03/2010	Tuyên Quang	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 7
159	220159	CAO XUÂN TRIỀU	EM	Nam	26/08/2010	Bình Dương	Trường THCS Lê Quý Đôn	22	23			22	41	Phòng 7
160	220160	NGUYỄN THI NGỌC	GIÀU	Nữ	27/08/2010	An Giang	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 7
161	220161	HỒ NGỌC	HÀ	Nữ	02/09/2010	Bình Dương	Trường THCS An Điền	22	24			22	41	Phòng 7
162	220162	KIỀU THU	HÀ	Nữ	13/05/2010	Bình Dương	Trường THCS Lê Quý Đôn	22	23			22	41	Phòng 7
163	220163	LÊ HỒ NGỌC	HÀ	Nữ	01/02/2010	Bình Dương	Trường THCS An Điền	22	24			22	41	Phòng 7
164	220164	NGUYỄN THỊ KHÁNH	HÀ	Nữ	11/06/2010	Bình Dương	Trường THCS An Điền	22	24			22	41	Phòng 7
165	220165	THẠCH THỊ KIM	HÀ	Nữ	14/07/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24	1	DT	22	41	Phòng 7
166	220166	TRẦN NGỌC	HÀ	Nữ	21/02/2010	Đồng Nai	Trường THCS An Điền	22	24			22	41	Phòng 7
167	220167	LÂM MAI	HẠ	Nữ	22/11/2010	Đắk Lắk	Trường THCS An Điền	22	24			22	41	Phòng 7
168	220168	NGUYỄN KHẮC HOÀNG	HẢI	Nam	18/06/2010	Quảng Ninh	Trường THCS An Điền	22	24			22	41	Phòng 7

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BÌNH DƯƠNG

HDCT SỐ 41 - THPT TÂY NAM

Khóa thi: 28,29 tháng 05 năm 2025

TT	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh (Tỉnh hoặc Thành phố)	Năm lớp 9	NV1	NV2	Điểm Ưu tiên, KK	Ghi chú Ưu tiên, KK gì?	Mã trường ĐKDT	Mã Hội đồng thi	Phòng thi đại trà
							học tại trường							
1	2	3	4	5	6	7	8	12	13	15	16	19	20	(22)
169	220169	QUÁCH CÔNG	HẢI	Nam	04/01/2009	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24	1	DT	22	41	Phòng 8
170	220170	NGUYỄN THỊ NGỌC	HANH	Nữ	18/11/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 8
171	220171	NGUYỄN GIA	HÀO	Nam	18/08/2009	Khánh Hòa	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 8
172	220172	PHẠM GIA	HÀO	Nam	21/09/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 8
173	220173	TÔ PHÚ	HÀO	Nam	03/01/2010	Cà Mau	Trường THCS Lê Quý Đôn	22	23			22	41	Phòng 8
174	220174	VŨ THỊ NGỌC	HAO	Nữ	01/06/2010	Thái Bình	Trường THCS Lê Quý Đôn	22				22	41	Phòng 8
175	220175	LÊ MINH	HAO	Nam	20/11/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 8
176	220176	ĐÀO THỊ THUỶ	HĂNG	Nữ	16/02/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 8
177	220177	HỒ DIỄM	HĂNG	Nữ	08/12/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 8
178	220178	HUỲNH THANH	HĂNG	Nữ	21/05/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 8
179	220179	PHẠM THANH	HĂNG	Nữ	04/11/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 8
180	220180	DƯƠNG GIA	HÂN	Nữ	31/07/2010	Bình Dương	Trường THCS Tương Bình Hiệp	22	04			22	41	Phòng 8
181	220181	ĐẶNG NGỌC BẢO	HÂN	Nữ	14/11/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 8
182	220182	ĐỖ NGỌC	HÂN	Nữ	20/10/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 8
183	220183	NGUYỄN GIA	HÂN	Nữ	18/06/2010	Bình Phước	Trường THCS Thới Hòa	22	17			22	41	Phòng 8
184	220184	NGUYỄN NGỌC	HÂN	Nữ	13/01/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 8
185	220185	PHẠM GIA	HÂN	Nam	10/01/2010	Nam Định	Trường THCS Lê Quý Đôn	22	23			22	41	Phòng 8
186	220186	PHẠM THỊ NGỌC	HÂN	Nữ	16/02/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 8
187	220187	VŨ NGỌC	HÂN	Nữ	15/10/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 8
188	220188	ĐỖ PHƯỚC	HẬU	Nam	12/01/2009	Bình Dương	Trường ngoại tỉnh	22	24			22	41	Phòng 8
189	220189	NGUYỄN PHÚC	HẬU	Nam	12/09/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 8
190	220190	NGUYỄN KYU	HENRY	Nam	21/07/2010	Bình Dương	Trường THCS An Điền	22	24			22	41	Phòng 8
191	220191	NGUYỄN THỊ KIM	HIỀN	Nữ	10/10/2010	Bình Dương	Trường THCS Lê Quý Đôn	22	23			22	41	Phòng 8
192	220192	TRẦN QUỐC	HIỀN	Nam	25/01/2009	Kiên Giang	Trường THCS Thới Hòa	22				22	41	Phòng 8

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BÌNH DƯƠNG

HĐCT SỐ 41 - THPT TÂY NAM

Khóa thi: 28,29 tháng 05 năm 2025

TT	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh (Tỉnh hoặc Thành phố)	Năm lớp 9	NV1	NV2	Điểm Ưu tiên, KK	Ghi chú Ưu tiên, KK gì?	Mã trường ĐKDT	Mã Hội đồng thi	Phòng thi đại trà
							học tại trường							
1	2	3	4	5	6	7	8	12	13	15	16	19	20	(22)
193	220193	PHẠM PHUỐC	HIỂN	Nam	04/10/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 9
194	220194	NGÔ HOÀNG	HIỆP	Nam	22/12/2009	Tiền Giang	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 9
195	220195	ĐÀO QUÂN	HIỂU	Nam	14/11/2009	Ninh Bình	Trường THCS Lê Quý Đôn	22	23			22	41	Phòng 9
196	220196	ĐỖ VIỆT TRUNG	HIỂU	Nam	22/01/2010	Thanh Hóa	Trường THCS Thới Hòa	22	23			22	41	Phòng 9
197	220197	LÊ VĂN	HIỂU	Nam	01/07/2010	Đắk Nông	Trường THCS Phú An	22	24	1	DT	22	41	Phòng 9
198	220198	LÊ XUÂN	HIỂU	Nữ	22/01/2010	Bình Dương	Trường THCS Thới Hòa	22	17			22	41	Phòng 9
199	220199	NGUYỄN THÀNH	HIỂU	Nam	14/08/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Lê Quý Đôn	22	23			22	41	Phòng 9
200	220200	NGUYỄN VĂN	HIỂU	Nam	14/09/2010	An Giang	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 9
201	220201	TRỊNH QUỐC	HIỂU	Nam	11/10/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 9
202	220202	HUỖNH	HOA	Nữ	16/08/2010	Bình Dương	Trường THCS An Điền	22	24	1	DT	22	41	Phòng 9
203	220203	LÊ TRUNG	HOA	Nữ	30/07/2010	TP. Hà Nội	Trường THCS An Điền	22	24			22	41	Phòng 9
204	220204	NGUYỄN TRẦN QUỐC	HÒA	Nam	01/04/2010	Bình Dương	Trường THCS An Điền	22	24			22	41	Phòng 9
205	220205	NGUYỄN HUY	HOÀN	Nam	17/04/2010	Ninh Bình	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 9
206	220206	LÊ VĂN	HOÀNG	Nam	16/10/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 9
207	220207	NÔNG HUY	HOÀNG	Nam	07/06/2009	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24	1	DT	22	41	Phòng 9
208	220208	PHẠM VŨ	HOÀNG	Nam	29/10/2010	Nam Định	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 9
209	220209	LÊ PHI	HỒ	Nam	18/04/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Bình Trọng	22	04			22	41	Phòng 9
210	220210	NGUYỄN THỊ	HỒNG	Nữ	29/06/2010	Thanh Hóa	Trường THCS An Điền	22	24			22	41	Phòng 9
211	220211	NGUYỄN THỊ NGỌC	HỒNG	Nữ	09/09/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 9
212	220212	ĐÀO LỢI	HỢP	Nam	22/10/2010	Thanh Hóa	Trường THCS Thới Hòa	22	23			22	41	Phòng 9
213	220213	HOÀNG TUẤN	HÙNG	Nam	14/05/2010	Bình Dương	Trường THCS Lê Quý Đôn	22	23			22	41	Phòng 9
214	220214	NGUYỄN PHI	HÙNG	Nam	22/07/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 9
215	220215	NGUYỄN VĂN MẠNH	HÙNG	Nam	07/02/2010	Nghệ An	Trường THCS Bình Phú	22	24			22	41	Phòng 9
216	220216	PHẠM HẢI	HÙNG	Nam	17/11/2010	Thanh Hóa	Trường THCS Lê Quý Đôn	22	23			22	41	Phòng 9

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BÌNH DƯƠNG

HĐCT SỐ 41 - THPT TÂY NAM

Khóa thi: 28,29 tháng 05 năm 2025

TT	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh (Tỉnh hoặc Thành phố)	Năm lớp 9	NV1	NV2	Điểm Ưu tiên, KK	Ghi chú Ưu tiên, KK gì?	Mã trường ĐKDT	Mã Hội đồng thi	Phòng thi đại trà
							học tại trường							
1	2	3	4	5	6	7	8	12	13	15	16	19	20	(22)
217	220218	ĐẶNG NHẤT	HUY	Nam	07/02/2010	Bình Dương	Trường THCS An Điền	22	24			22	41	Phòng 10
218	220217	ĐẶNG NHẤT	HUY	Nam	20/08/2010	Bình Dương	Trường THCS Thới Hòa	22	23	1	DT	22	41	Phòng 10
219	220219	HỒ GIA	HUY	Nam	05/01/2010	Gia Lai	Trường THCS Lê Quý Đôn	22				22	41	Phòng 10
220	220220	HỒ NGỌC	HUY	Nam	12/05/2010	Nghệ An	Trường THCS An Điền	22	24			22	41	Phòng 10
221	220221	KIẾN NHẬT	HUY	Nam	07/08/2010	Cà Mau	Trường THCS Lê Quý Đôn	22	23			22	41	Phòng 10
222	220222	LÊ HOÀNG	HUY	Nam	28/07/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Lê Quý Đôn	22	23			22	41	Phòng 10
223	220223	NGUYỄN SỸ GIA	HUY	Nam	27/10/2010	Nghệ An	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 10
224	220224	NGUYỄN TRẦN NGỌC	HUY	Nam	20/07/2010	Đồng Tháp	Trường THCS Thới Hòa	22	23			22	41	Phòng 10
225	220225	PHẠM QUỐC	HUY	Nam	01/05/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 10
226	220226	VÕ THÀNH	HUY	Nam	08/04/2009	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 10
227	220227	THÁI MỸ	HUYỀN	Nữ	08/08/2010	Cà Mau	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 10
228	220228	HÀ NGỌC	HUYỀN	Nữ	31/08/2010	Bình Dương	Trường THCS An Điền	22	24			22	41	Phòng 10
229	220229	LÂM THỊ NGỌC	HUYỀN	Nữ	18/04/2010	An Giang	Trường THCS Lê Quý Đôn	22	23			22	41	Phòng 10
230	220230	NGUYỄN HOÀNG GIA	HUYỀN	Nữ	09/04/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 10
231	220231	NGUYỄN KHÁNH	HUYỀN	Nữ	26/09/2010	Bình Dương	Trường THCS Thới Hòa	22	23			22	41	Phòng 10
232	220232	TRẦN KHÁNH	HUYỀN	Nữ	19/01/2010	Nghệ An	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 10
233	220233	VI THỊ	HUYỀN	Nữ	13/08/2010	Thanh Hóa	Trường THCS Thới Hòa	22	17	1	DT	22	41	Phòng 10
234	220234	HOÀNG TUẤN	HÙNG	Nam	05/08/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 10
235	220235	NGUYỄN ĐỨC BẢO	HÙNG	Nam	27/01/2010	Nghệ An	Trường THCS An Điền	22	24			22	41	Phòng 10
236	220236	NGUYỄN VIỆT	HÙNG	Nam	03/12/2010	Bình Dương	Trường THCS Lê Quý Đôn	22	23			22	41	Phòng 10
237	220237	PHẠM TUẤN	HÙNG	Nam	27/10/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 10
238	220238	BUI THỊ QUỲNH	HƯƠNG	Nữ	24/10/2010	Bình Dương	Trường THCS An Điền	22	24			22	41	Phòng 10
239	220239	CÙ NGUYỄN QUỲNH	HƯƠNG	Nữ	19/05/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 10
240	220240	LÊ THỊ THU	HƯƠNG	Nữ	06/09/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 10

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BÌNH DƯƠNG

HĐCT SỐ 41 - THPT TÂY NAM

Khóa thi: 28,29 tháng 05 năm 2025

TT	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh (Tỉnh hoặc Thành phố)	Năm lớp 9	NV1	NV2	Điểm Ưu tiên, KK	Ghi chú Ưu tiên, KK gì?	Mã trường ĐKDT	Mã Hội đồng thi	Phòng thi đại trà
							học tại trường							
1	2	3	4	5	6	7	8	12	13	15	16	19	20	(22)
241	220241	PHẠM TÂN	HỮU	Nam	09/01/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 11
242	220242	LÊ MINH	HY	Nam	21/11/2010	Bến Tre	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 11
243	220243	CHÂU MINH	KHA	Nam	21/09/2010	Đồng Nai	Trường THCS Lê Quý Đôn	22	23			22	41	Phòng 11
244	220244	ĐỖ TUẤN	KHA	Nam	12/02/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 11
245	220245	DƯƠNG BẢO	KHANG	Nam	09/01/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 11
246	220246	LÊ NGUYỄN	KHANG	Nam	16/03/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 11
247	220247	LÊ TRỌNG	KHANG	Nam	20/11/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 11
248	220248	MAI HOÀNG	KHANG	Nam	03/09/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 11
249	220249	NGUYỄN ANH	KHANG	Nam	19/07/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 11
250	220250	NGUYỄN BẢO	KHANG	Nam	15/02/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú Mỹ	22	23	1	DT	22	41	Phòng 11
251	220252	NGUYỄN DUY	KHANG	Nam	19/10/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 11
252	220251	NGUYỄN DUY	KHANG	Nam	12/09/2010	Bình Dương	Trường THCS Nguyễn Thị Minh Khai	22	04			22	41	Phòng 11
253	220253	NGUYỄN LÊ BẢO	KHANG	Nam	28/09/2010	Đồng Tháp	Trường THCS Trịnh Hoài Đức	22	08			22	41	Phòng 11
254	220254	NGUYỄN MINH	KHANG	Nam	14/06/2010	Bình Dương	Trường THCS Mỹ Thạnh	22	23			22	41	Phòng 11
255	220255	NGUYỄN NGỌC DUY	KHANG	Nam	03/10/2010	Bình Dương	Trường THCS An Điền	22	24			22	41	Phòng 11
256	220256	NGUYỄN PHÚ	KHANG	Nam	01/02/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 11
257	220257	TRẦN KHƯƠNG TRIỆU	KHANG	Nam	20/06/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 11
258	220258	NGUYỄN LÊ QUỐC	KHÁNH	Nam	12/02/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 11
259	220259	NGUYỄN NGỌC DUY	KHÁNH	Nam	19/06/2010	Bình Dương	Trường THCS Lê Quý Đôn	22	23			22	41	Phòng 11
260	220260	NGUYỄN QUỐC	KHÁNH	Nam	27/02/2010	Bạc Liêu	Trường THCS Thới Hòa	22	23			22	41	Phòng 11
261	220261	THÁI HOÀNG	KHÁNH	Nam	12/04/2010	Bình Dương	Trường THCS Lê Quý Đôn	22	23			22	41	Phòng 11
262	220262	NGUYỄN DUY ANH	KHOA	Nam	05/10/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 11
263	220263	NGUYỄN QUỐC ĐĂNG	KHOA	Nam	26/10/2010	Bình Dương	Trường THCS Lê Quý Đôn	22	23			22	41	Phòng 11
264	220264	PHÙNG THỊ KIM	KHOA	Nữ	25/07/2010	An Giang	Trường THCS An Điền	22	24			22	41	Phòng 11

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BÌNH DƯƠNG

HĐCT SỐ 41 - THPT TÂY NAM

Khóa thi: 28,29 tháng 05 năm 2025

TT	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh (Tỉnh hoặc Thành phố)	Năm lớp 9	NV1	NV2	Điểm Ưu tiên, KK	Ghi chú Ưu tiên, KK gì?	Mã trường ĐKDT	Mã Hội đồng thi	Phòng thi đại trà
							học tại trường							
1	2	3	4	5	6	7	8	12	13	15	16	19	20	(22)
265	220265	NGUYỄN HÀ ANH	KHÔI	Nam	15/04/2010	Nghệ An	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 12
266	220266	NGUYỄN HOÀNG	KIÊN	Nam	10/02/2010	Bình Dương	Trường THCS Thới Hòa	22	23			22	41	Phòng 12
267	220267	LUÂN ANH	KIỆT	Nam	14/03/2010	Bình Dương	Trường THCS Tương Bình Hiệp	22	04			22	41	Phòng 12
268	220268	NGÔ TUẤN	KIỆT	Nam	08/11/2010	Kiên Giang	Trường THCS Chánh Phú Hòa	22	24			22	41	Phòng 12
269	220269	NGUYỄN ANH	KIỆT	Nam	08/09/2010	Bình Dương	Trường THCS An Điền	22	24			22	41	Phòng 12
270	220270	NGUYỄN ĐÌNH	KIỆT	Nam	03/12/2010	Đồng Nai	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 12
271	220271	PHẠM TUẤN	KIỆT	Nam	14/08/2010	Bình Dương	Trường THCS Lê Quý Đôn	22				22	41	Phòng 12
272	220272	ĐẶNG THÚY	KIỀU	Nữ	04/06/2010	Đồng Nai	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 12
273	220273	HỒ HOÀNG	KIM	Nam	07/01/2010	Vĩnh Long	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 12
274	220274	NGUYỄN THIÊN	KIM	Nữ	15/07/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 12
275	220275	TRỊNH THỊ	KIM	Nữ	25/08/2010	An Giang	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 12
276	220276	NGUYỄN GIA	KỶ	Nam	04/06/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 12
277	220277	NGUYỄN TRẦN GIA	KỶ	Nữ	31/03/2009	Đồng Nai	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 12
278	220278	DANH BÙI TUỜNG	LAM	Nữ	15/12/2009	Hậu Giang	Trường THCS Phú An	22	24	1	DT	22	41	Phòng 12
279	220279	LIÊU MỘC	LAN	Nữ	23/04/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24	1	DT	22	41	Phòng 12
280	220280	NGUYỄN THỊ MỸ	LÀNH	Nữ	01/09/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22				22	41	Phòng 12
281	220281	BẠCH VÕ HOÀNG	LÂM	Nam	17/01/2010	Bình Dương	Trường THCS Thới Hòa	22	23			22	41	Phòng 12
282	220282	NGUYỄN NHỰT	LÂM	Nam	23/06/2010	TP. Cần Thơ	Trường THCS Lê Quý Đôn	22	23			22	41	Phòng 12
283	220283	PHẠM ĐỨC MINH	LÂM	Nam	04/05/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 12
284	220284	PHAN ĐÌNH HỒNG	LÂM	Nam	30/09/2010	Bến Tre	Trường THCS Bình Phú	22	17			22	41	Phòng 12
285	220285	TRẦN ĐÌNH NGỌC	LÂM	Nam	05/12/2010	Phú Thọ	Trường THCS Phú An	22	24	1	DT	22	41	Phòng 12
286	220286	TRẦN NGỌC MINH	LÂM	Nam	04/04/2010	Nghệ An	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 12
287	220287	KHUƠNG THANH	LIÊM	Nam	21/05/2010	Bạc Liêu	Trường THCS Bình Phú	22	17			22	41	Phòng 12
288	220288	TRẦN NGUYỄN THANH	LIÊM	Nam	28/11/2010	Đồng Nai	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 12

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BÌNH DƯƠNG

HĐCT SỐ 41 - THPT TÂY NAM

Khóa thi: 28,29 tháng 05 năm 2025

TT	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh (Tỉnh hoặc Thành phố)	Năm lớp 9	NV1	NV2	Điểm Ưu tiên, KK	Ghi chú Ưu tiên, KK gì?	Mã trường ĐKDT	Mã Hội đồng thi	Phòng thi đại trà
							học tại trường							
1	2	3	4	5	6	7	8	12	13	15	16	19	20	(22)
289	220289	HÀ KHÁNH	LINH	Nữ	10/06/2010	Bình Dương	Trường THCS Lê Quý Đôn	22				22	41	Phòng 13
290	220290	NGÔ ĐIỀU	LINH	Nữ	29/08/2010	Bình Dương	Trường THCS Lê Quý Đôn	22	23			22	41	Phòng 13
291	220291	NGUYỄN DUY	LINH	Nữ	16/04/2010	Bình Dương	Trường THCS Trịnh Hoài Đức	22	24			22	41	Phòng 13
292	220292	NGUYỄN NGỌC	LINH	Nữ	04/12/2010	Bình Dương	Trường THCS Lê Quý Đôn	22	23			22	41	Phòng 13
293	220293	NGUYỄN NGỌC KHÁNH	LINH	Nữ	20/02/2010	Bình Dương	Trường THCS An Điền	22	24			22	41	Phòng 13
294	220294	NGUYỄN NGỌC TRÚC	LINH	Nữ	30/01/2010	Lâm Đồng	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 13
295	220295	PHẠM HÀ	LINH	Nữ	22/08/2010	Bình Dương	Trường THCS An Điền	22	24			22	41	Phòng 13
296	220296	TRẦN NGỌC	LINH	Nữ	25/06/2010	Bình Dương	Trường THCS An Điền	22	24			22	41	Phòng 13
297	220297	TRẦN THUỖ	LINH	Nữ	16/07/2009	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22				22	41	Phòng 13
298	220298	NGUYỄN THỊ NGỌC	LINH	Nữ	26/12/2010	Bạc Liêu	Trường THCS Lê Quý Đôn	22				22	41	Phòng 13
299	220299	ĐỖ THỊ NGỌC	LOAN	Nữ	13/10/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 13
300	220300	ĐOÀN THÀNH	LONG	Nam	01/11/2010	Vĩnh Phúc	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 13
301	220301	LÊ GIA	LONG	Nam	27/06/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 13
302	220302	NGUYỄN HOÀNG	LONG	Nam	05/11/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 13
303	220303	NGUYỄN PHI	LONG	Nam	23/11/2010	Bình Dương	Trường THCS Bình Phú	22	17			22	41	Phòng 13
304	220304	NGUYỄN TRỌNG THÀNH	LONG	Nam	01/08/2009	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Phú An	22				22	41	Phòng 13
305	220305	BUI PHƯỚC	LỘC	Nam	08/11/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Thới Hòa	22	23			22	41	Phòng 13
306	220306	QUÁCH HỮU	LỢI	Nam	09/05/2010	An Giang	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 13
307	220307	NGUYỄN BẢO	LUÂN	Nam	04/02/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 13
308	220308	NGUYỄN KHÂM NHẬT	LUÂN	Nam	02/01/2010	Bình Dương	Trường THCS Thới Hòa	22	23			22	41	Phòng 13
309	220309	NGUYỄN THÀNH	LUÂN	Nam	15/10/2010	Quảng Ngãi	Trường THCS Lê Quý Đôn	22	23			22	41	Phòng 13
310	220310	TRẦN SĨ	LUÂN	Nam	02/01/2010	Đắk Lắk	Trường THCS Lê Quý Đôn	22	23			22	41	Phòng 13
311	220311	DANH	LỰC	Nam	30/05/2009	Kiên Giang	Trường THCS Phú An	22	24	1	DT	22	41	Phòng 13
312	220312	NGUYỄN LƯƠNG GIA	LƯỢNG	Nam	18/09/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 13

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BÌNH DƯƠNG

HĐCT SỐ 41 - THPT TÂY NAM

Khóa thi: 28,29 tháng 05 năm 2025

TT	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh (Tỉnh hoặc Thành phố)	Năm lớp 9	NV1	NV2	Điểm Ưu tiên, KK	Ghi chú Ưu tiên, KK gì?	Mã trường ĐKDT	Mã Hội đồng thi	Phòng thi đại trà
							học tại trường							
1	2	3	4	5	6	7	8	12	13	15	16	19	20	(22)
313	220313	BUI THỊ KHÁNH	LY	Nữ	07/09/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	23	1	DT	22	41	Phòng 14
314	220314	TRINH KHÁNH	LY	Nữ	09/01/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 14
315	220315	ĐỖ NGUYỄN LINH	MAI	Nữ	19/09/2010	Thanh Hóa	Trường THCS An Điền	22	24			22	41	Phòng 14
316	220317	PHẠM THỊ NGỌC	MAI	Nữ	18/03/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 14
317	220316	PHẠM THỊ NGỌC	MAI	Nữ	20/01/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 14
318	220318	VĂN NGUYỄN TRÚC	MAI	Nữ	22/03/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 14
319	220319	PHẠM TUẤN	MẠNH	Nam	19/12/2010	Bình Dương	Trường THCS Chánh Phú Hòa	22	23	1	DT	22	41	Phòng 14
320	220320	PHẠM QUỲNH GIA	MẦN	Nữ	21/09/2010	Sóc Trăng	Trường THCS Lê Quý Đôn	22	23			22	41	Phòng 14
321	220321	ĐỖ BÌNH	MINH	Nam	22/11/2010	Bình Dương	Trường THCS An Điền	22	23			22	41	Phòng 14
322	220322	ĐỖ NHƯ NHẬT	MINH	Nam	19/10/2010	Bình Dương	Trường THCS An Điền	22	24			22	41	Phòng 14
323	220323	LÊ TRƯỜNG NHẬT	MINH	Nam	12/12/2010	Thanh Hóa	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 14
324	220324	TRẦN PHẠM HOÀNG	MINH	Nam	07/11/2010	Đắk Nông	Trường THCS Thới Hòa	22	23			22	41	Phòng 14
325	220325	TÔ THỊ HỒNG	MUỘN	Nữ	02/02/2010	Kiên Giang	Trường THCS An Điền	22	24			22	41	Phòng 14
326	220326	LÊ THỊ DIỄM	MY	Nữ	10/12/2009	Thanh Hóa	Trường THCS An Điền	22	24			22	41	Phòng 14
327	220327	NGUYỄN THỊ KIỀU	MY	Nữ	07/09/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 14
328	220330	NGUYỄN THỊ TRÀ	MY	Nữ	04/02/2010	Bình Dương	Trường THCS Thới Hòa	22	23			22	41	Phòng 14
329	220328	NGUYỄN THỊ TRÀ	MY	Nữ	17/09/2010	Bình Dương	Trường THCS Lý Tự Trọng	22	17			22	41	Phòng 14
330	220329	NGUYỄN THỊ TRÀ	MY	Nữ	16/09/2009	An Giang	Trường THCS Thới Hòa	22	23			22	41	Phòng 14
331	220331	PHÙNG THẢO	MY	Nữ	20/09/2010	An Giang	Trường THCS Bình Phú	22	17			22	41	Phòng 14
332	220332	VÕ THỊ KIỀU	MY	Nữ	25/12/2010	Đồng Tháp	Trường THCS Lê Quý Đôn	22	23			22	41	Phòng 14
333	220333	TRẦN THỊ NGỌC	MỸ	Nữ	30/10/2010	Bình Dương	Trường THCS An Điền	22	24			22	41	Phòng 14
334	220334	LÊ	NA	Nữ	12/04/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 14
335	220335	CHOU TRIẾT	NAM	Nam	24/06/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 14
336	220336	NGUYỄN BẢO	NAM	Nam	11/06/2010	Bình Dương	Trường THCS Lê Quý Đôn	22	23			22	41	Phòng 14

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BÌNH DƯƠNG

HDCT SỐ 41 - THPT TÂY NAM

Khóa thi: 28,29 tháng 05 năm 2025

TT	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh (Tỉnh hoặc Thành phố)	Năm lớp 9	NV1	NV2	Điểm Ưu tiên, KK	Ghi chú Ưu tiên, KK gì?	Mã trường ĐKDT	Mã Hội đồng thi	Phòng thi đại trà
							học tại trường							
1	2	3	4	5	6	7	8	12	13	15	16	19	20	(22)
337	220337	NGUYỄN VĂN	NAM	Nam	16/01/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 15
338	220338	TRẦN NGỌC BẢO	NAM	Nam	28/06/2010	Bình Dương	Trường THCS Lê Quý Đôn	22	23			22	41	Phòng 15
339	220339	TRẦN NHẬT	NAM	Nam	12/05/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 15
340	220340	NGUYỄN ĐỒNG	NAVY	Nữ	20/10/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 15
341	220341	LÊ THỊ HẰNG	NGA	Nữ	20/04/2010	Hà Tĩnh	Trường THCS An Điền	22	24			22	41	Phòng 15
342	220342	ĐẶNG KIM	NGÂN	Nữ	30/04/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 15
343	220343	ĐOÀN THỊ THUY	NGÂN	Nữ	23/09/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 15
344	220344	LÊ NGỌC TUYẾT	NGÂN	Nữ	23/02/2010	Bến Tre	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 15
345	220345	LÊ THỊ THU	NGÂN	Nữ	25/07/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 15
346	220346	NGUYỄN NGỌC KIM	NGÂN	Nữ	13/02/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 15
347	220347	ĐỖ THỊ PHƯƠNG	NGHI	Nữ	09/11/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 15
348	220348	LŨ GIA	NGHI	Nữ	18/05/2010	An Giang	Trường THCS Phú An	22	24	1	DT	22	41	Phòng 15
349	220349	NGUYỄN NGỌC GIA	NGHI	Nữ	25/11/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 15
350	220350	PHẠM XUÂN	NGHI	Nữ	10/09/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 15
351	220351	HUỲNH MINH	NGHĨA	Nam	10/03/2009	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 15
352	220352	NGUYỄN THANH	NGHĨA	Nam	10/10/2009	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 15
353	220353	NGUYỄN TRUNG	NGHĨA	Nam	17/06/2010	Cà Mau	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 15
354	220354	NGUYỄN THUY	NGOAN	Nữ	10/07/2010	Cà Mau	Trường THCS Lê Quý Đôn	22	23			22	41	Phòng 15
355	220355	ĐẶNG HỒNG	NGỌC	Nữ	27/06/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 15
356	220356	HOÀNG TIÊU	NGỌC	Nữ	14/11/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 15
357	220357	HUỲNH THANH	NGỌC	Nữ	20/10/2010	Cà Mau	Trường THCS An Điền	22	24	1	DT	22	41	Phòng 15
358	220358	LÊ BẢO	NGỌC	Nữ	08/12/2010	Sóc Trăng	Trường THCS Bình Phú	22	17			22	41	Phòng 15
359	220359	NGÔ NHƯ	NGỌC	Nữ	25/04/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 15
360	220360	NGUYỄN HOÀNG BẢO	NGỌC	Nữ	11/05/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 15

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BÌNH DƯƠNG

HĐCT SỐ 41 - THPT TÂY NAM

Khóa thi: 28,29 tháng 05 năm 2025

TT	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh (Tỉnh hoặc Thành phố)	Năm lớp 9	NV1	NV2	Điểm Ưu tiên, KK	Ghi chú Ưu tiên, KK gì?	Mã trường ĐKDT	Mã Hội đồng thi	Phòng thi đại trà
							học tại trường							
1	2	3	4	5	6	7	8	12	13	15	16	19	20	(22)
361	220361	NGUYỄN HUỖNH NHƯ	NGỌC	Nữ	29/01/2010	An Giang	Trường THCS Thới Hòa	22	23			22	41	Phòng 16
362	220362	NGUYỄN THỊ KHÁNH	NGỌC	Nữ	18/02/2010	Trà Vinh	Trường THCS Thới Hòa	22	23			22	41	Phòng 16
363	220363	NGUYỄN THỊ MINH	NGỌC	Nữ	04/12/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 16
364	220364	PHẠM THỊ THẢO	NGỌC	Nữ	12/05/2010	Kiên Giang	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 16
365	220365	TRẦN THỊ HỒNG	NGỌC	Nữ	18/05/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 16
366	220366	DANH PHÚC	NGUYỄN	Nam	22/11/2010	Kiên Giang	Trường THCS Thới Hòa	22	23	1	DT	22	41	Phòng 16
367	220367	ĐẶNG NGUYỄN THAO	NGUYỄN	Nữ	05/10/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 16
368	220368	SƠN THỊ THẢO	NGUYỄN	Nữ	11/11/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24	1	DT	22	41	Phòng 16
369	220369	TRỊNH NHÃ	NGUYỄN	Nữ	01/02/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 16
370	220370	LÊ	NGUYỄN	Nam	27/08/2010	Đắk Lắk	Trường THCS An Điền	22	24			22	41	Phòng 16
371	220371	NGUYỄN THỊ THANH	NHÂN	Nữ	11/12/2010	Bình Dương	Trường THCS Lê Quý Đôn	22	23	1	DT	22	41	Phòng 16
372	220372	NGUYỄN QUÂN	NHÂN	Nam	27/08/2010	Bình Dương	Trường THCS Thới Hòa	22	23			22	41	Phòng 16
373	220373	NGUYỄN THANH	NHÂN	Nam	24/12/2009	Bình Phước	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 16
374	220374	VŨ NGỌC	NHẬT	Nam	28/07/2010	Thanh Hóa	Trường THCS Lê Quý Đôn	22	23			22	41	Phòng 16
375	220375	ĐẶNG NGUYỄN NGỌC	NHI	Nữ	09/05/2010	Bình Dương	Trường THCS An Điền	22	24			22	41	Phòng 16
376	220376	ĐỖ THỊ YẾN	NHI	Nữ	01/08/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 16
377	220377	HỒ THỊ NGỌC	NHI	Nữ	07/11/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	04			22	41	Phòng 16
378	220378	LƯU VĂN YẾN	NHI	Nữ	02/06/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 16
379	220379	NGÔ THỊ YẾN	NHI	Nữ	12/02/2010	Bình Dương	Trường THCS Thới Hòa	22	23	1	DT	22	41	Phòng 16
380	220380	NGUYỄN NGỌC YẾN	NHI	Nữ	08/11/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 16
381	220381	NGUYỄN THỊ KIM	NHI	Nữ	04/10/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Lê Quý Đôn	22	17			22	41	Phòng 16
382	220382	NGUYỄN TUYẾT	NHI	Nữ	13/01/2010	Đắk Lắk	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 16
383	220383	PHẠM THIÊN	NHI	Nữ	21/06/2010	Vĩnh Phúc	Trường THCS Lê Quý Đôn	22	23			22	41	Phòng 16
384	220384	PHAN THỊ HOÀI	NHI	Nữ	28/09/2010	Thái Bình	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 16

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BÌNH DƯƠNG

HĐCT SỐ 41 - THPT TÂY NAM

Khóa thi: 28,29 tháng 05 năm 2025

TT	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh (Tỉnh hoặc Thành phố)	Năm lớp 9	NV1	NV2	Điểm Ưu tiên, KK	Ghi chú Ưu tiên, KK gì?	Mã trường ĐKDT	Mã Hội đồng thi	Phòng thi đại trà
							học tại trường							
1	2	3	4	5	6	7	8	12	13	15	16	19	20	(22)
385	220385	PHAN THỊ YẾN	NHI	Nữ	09/10/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 17
386	220386	TRẦN HỒNG YẾN	NHI	Nữ	16/01/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 17
387	220387	TRIỆU THỊ YẾN	NHI	Nữ	16/01/2010	Thái Nguyên	Trường THCS Phú An	22	24	1	DT	22	41	Phòng 17
388	220388	TRỊNH THỊ YẾN	NHI	Nữ	27/11/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 17
389	220389	TRỊNH YẾN	NHI	Nữ	15/03/2010	Thanh Hóa	Trường THCS Thới Hòa	22	23			22	41	Phòng 17
390	220390	TRƯƠNG QUỲNH	NHI	Nữ	11/01/2009	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 17
391	220391	VÕ THẢO	NHI	Nữ	10/04/2010	Đắk Lắk	Trường THCS Thới Hòa	22	23			22	41	Phòng 17
392	220392	LÂM YẾN	NHIÊN	Nữ	10/05/2010	Cà Mau	Trường THCS Lê Quý Đôn	22	23			22	41	Phòng 17
393	220393	NGÔ THỊ HỒNG	NHUNG	Nữ	01/06/2010	Bình Định	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 17
394	220394	NGUYỄN LÊ THỊ HỒNG	NHUNG	Nữ	27/01/2010	Bình Dương	Trường THCS An Điền	22	24			22	41	Phòng 17
395	220395	NGUYỄN THỊ HỒNG	NHUNG	Nữ	23/04/2010	TP. Hà Nội	Trường THCS An Điền	22	24			22	41	Phòng 17
396	220396	ĐẶNG THỊ HUỲNH	NHƯ	Nữ	13/09/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 17
397	220397	ĐỖ NGUYỄN TUYẾT	NHƯ	Nữ	23/01/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 17
398	220398	HÀ THỊ QUỲNH	NHƯ	Nữ	17/02/2010	Kiên Giang	Trường THCS Lê Quý Đôn	22	23			22	41	Phòng 17
399	220399	LÊ HUỲNH TỔ	NHƯ	Nữ	08/07/2010	Bình Dương	Trường THCS An Điền	22	24			22	41	Phòng 17
400	220400	LÊ THỊ HUỲNH	NHƯ	Nữ	30/06/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 17
401	220401	NGUYỄN HUỲNH LÂM	NHƯ	Nữ	03/03/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 17
402	220402	NGUYỄN LÊ UYÊN	NHƯ	Nữ	26/08/2010	Bình Thuận	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 17
403	220403	NGUYỄN LINH	NHƯ	Nữ	26/09/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 17
404	220404	NGUYỄN NGỌC QUỲNH	NHƯ	Nữ	12/12/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 17
405	220405	NGUYỄN NGỌC YẾN	NHƯ	Nữ	25/12/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 17
406	220406	NGUYỄN QUỲNH	NHƯ	Nữ	08/06/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Chánh Phú Hòa	22	17			22	41	Phòng 17
407	220407	NGUYỄN THẢO	NHƯ	Nữ	20/06/2010	Cà Mau	Trường THCS Chánh Phú Hòa	22	27			22	41	Phòng 17
408	220408	PHẠM NGỌC QUỲNH	NHƯ	Nữ	07/11/2010	Bình Dương	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	22	04			22	41	Phòng 17

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BÌNH DƯƠNG

HĐCT SỐ 41 - THPT TÂY NAM

Khóa thi: 28,29 tháng 05 năm 2025

TT	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh (Tỉnh hoặc Thành phố)	Năm lớp 9	NV1	NV2	Điểm Ưu tiên, KK	Ghi chú Ưu tiên, KK gì?	Mã trường ĐKDT	Mã Hội đồng thi	Phòng thi đại trà
							học tại trường							
1	2	3	4	5	6	7	8	12	13	15	16	19	20	(22)
409	220409	PHẠM NGUYỄN QUỲNH	NHƯ	Nữ	10/03/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 18
410	220410	PHẠM QUỲNH	NHƯ	Nữ	13/10/2010	Bình Dương	Trường THCS Thới Hòa	22	23			22	41	Phòng 18
411	220411	PHẠM THỊ QUỲNH	NHƯ	Nữ	19/06/2010	Bình Dương	Trường THCS An Điền	22	24			22	41	Phòng 18
412	220412	TRẦN VÕ HUỲNH	NHƯ	Nữ	09/07/2010	Đồng Tháp	Trường THCS Thới Hòa	22	23			22	41	Phòng 18
413	220413	VÕ TUYẾT	NHƯ	Nữ	04/01/2010	Bình Dương	Trường THCS Thới Hòa	22	23			22	41	Phòng 18
414	220414	VŨ LÊ QUỲNH	NHƯ	Nữ	01/12/2010	Thanh Hóa	Trường THCS Thới Hòa	22	23			22	41	Phòng 18
415	220415	NGUYỄN HOÀNG	NHỰT	Nam	20/09/2010	Bình Dương	Trường THCS Tương Bình Hiệp	22	04			22	41	Phòng 18
416	220416	LÊ THỊ KIỀU	OANH	Nữ	10/08/2010	Long An	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 18
417	220417	PHẠM LÊ BẢO	OANH	Nữ	02/09/2009	Bình Dương	Trường ngoại tỉnh	22	24			22	41	Phòng 18
418	220418	TRẦN THỊ KIM	OANH	Nữ	24/10/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 18
419	220419	LÊ ĐẮC	PHÁT	Nam	13/11/2010	Thừa Thiên Huế	Trường THCS Lê Quý Đôn	22	23			22	41	Phòng 18
420	220420	LÊ HỮU	PHÁT	Nam	28/10/2010	Thanh Hóa	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 18
421	220421	LÊ TRƯỜNG	PHÁT	Nam	01/10/2010	Cà Mau	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 18
422	220422	NGUYỄN TOÀN	PHÁT	Nam	02/12/2010	Lạng Sơn	Trường THCS Thới Hòa	22	17			22	41	Phòng 18
423	220423	BÙI THANH	PHONG	Nam	25/10/2009	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 18
424	220424	TRẦN ĐÌNH HẠO	PHONG	Nam	09/10/2010	Hải Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 18
425	220425	TRẦN KỶ	PHONG	Nam	27/11/2009	Quảng Nam	Trường THCS Tương Bình Hiệp	22	04			22	41	Phòng 18
426	220426	TRẦN THÀNH	PHỔ	Nam	28/01/2010	Kiên Giang	Trường THCS An Điền	22	24			22	41	Phòng 18
427	220427	ĐÀO CÔNG	PHÚ	Nam	06/07/2009	Cà Mau	Trường THCS Thới Hòa	22	23			22	41	Phòng 18
428	220428	ĐỖ HOÀNG	PHÚ	Nam	09/02/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 18
429	220429	NGUYỄN GIA	PHÚ	Nam	29/05/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 18
430	220430	NGUYỄN MINH	PHÚ	Nam	09/01/2010	An Giang	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 18
431	220431	NGUYỄN HOÀNG	PHÚC	Nam	02/04/2010	Cà Mau	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 18
432	220432	NGUYỄN TRỌNG	PHÚC	Nam	03/12/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 18

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BÌNH DƯƠNG

HĐCT SỐ 41 - THPT TÂY NAM

Khóa thi: 28,29 tháng 05 năm 2025

TT	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh (Tỉnh hoặc Thành phố)	Năm lớp 9	NV1	NV2	Điểm Ưu tiên, KK	Ghi chú Ưu tiên, KK gì?	Mã trường ĐKDT	Mã Hội đồng thi	Phòng thi đại trà
							học tại trường							
1	2	3	4	5	6	7	8	12	13	15	16	19	20	(22)
433	220433	VÕ MINH	PHÚC	Nam	06/08/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 19
434	220434	TRƯƠNG NGỌC Y	PHỤNG	Nữ	11/05/2010	Kiên Giang	Trường THCS Lê Quý Đôn	22	23			22	41	Phòng 19
435	220435	ĐỖ NGUYỄN THANH	PHƯỚC	Nam	22/05/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	21			22	41	Phòng 19
436	220436	NGUYỄN HOÀNG	PHƯỚC	Nam	21/01/2010	An Giang	Trường THCS Lê Quý Đôn	22	23	1.5	Con TB	22	41	Phòng 19
437	220437	HÀ THỊ MINH	PHƯƠNG	Nữ	21/01/2010	Thanh Hóa	Trường THCS Lê Quý Đôn	22	23			22	41	Phòng 19
438	220438	PHẠM LÊ	PHƯƠNG	Nữ	11/08/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 19
439	220439	PHAN NAM	PHƯƠNG	Nữ	08/03/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 19
440	220440	TRẦN NGUYỄN MAI	PHƯƠNG	Nữ	13/11/2010	Đắk Lắk	Trường THCS Phú An	22	21			22	41	Phòng 19
441	220441	VÕ THỊ HOÀI	PHƯƠNG	Nữ	12/08/2010	Bình Dương	Trường THCS Thới Hòa	22	23			22	41	Phòng 19
442	220442	LƯU NHẬT	QUANG	Nam	14/12/2010	Bình Dương	Trường THCS Lê Quý Đôn	22	23			22	41	Phòng 19
443	220443	CAO TRANG HOÀNG	QUÂN	Nam	17/03/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 19
444	220444	ĐẶNG LỆ	QUÂN	Nữ	16/04/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 19
445	220445	LÊ DOÃN MẠNH	QUÂN	Nam	20/07/2010	Hà Tĩnh	Trường THCS An Điền	22	24			22	41	Phòng 19
446	220446	LÊ TRẦN TÂN	QUÂN	Nam	19/05/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Thới Hòa	22	17			22	41	Phòng 19
447	220447	PHẠM MINH	QUÂN	Nam	07/04/2010	Gia Lai	Trường THCS Lý Tự Trọng	22	23			22	41	Phòng 19
448	220448	PHẠM BÁ	QUÝ	Nam	28/02/2010	Bình Dương	Trường THCS An Điền	22	24			22	41	Phòng 19
449	220449	ĐỖ NGỌC KIỀU	QUYÊN	Nữ	07/09/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 19
450	220450	LÊ DIỄM	QUỲNH	Nữ	11/03/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 19
451	220452	LÊ THỊ NHƯ	QUỲNH	Nữ	30/03/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 19
452	220451	LÊ THỊ NHƯ	QUỲNH	Nữ	14/10/2010	Bình Dương	Trường THCS An Điền	22	24			22	41	Phòng 19
453	220453	NGUYỄN NGỌC NHƯ	QUỲNH	Nữ	30/10/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 19
454	220454	NGUYỄN NHƯ	QUỲNH	Nữ	25/03/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 19
455	220455	VÕ DIỄM	QUỲNH	Nữ	22/09/2010	Bình Thuận	Trường THCS An Điền	22	24			22	41	Phòng 19
456	220456	TRƯƠNG HOÀI	SANG	Nam	26/08/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 19

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BÌNH DƯƠNG

HĐCT SỐ 41 - THPT TÂY NAM

Khóa thi: 28,29 tháng 05 năm 2025

TT	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh (Tỉnh hoặc Thành phố)	Năm lớp 9	NV1	NV2	Điểm Ưu tiên, KK	Ghi chú Ưu tiên, KK gì?	Mã trường ĐKDT	Mã Hội đồng thi	Phòng thi đại trà
							học tại trường							
1	2	3	4	5	6	7	8	12	13	15	16	19	20	(22)
457	220457	VŨ HỒNG	SANG	Nam	08/12/2010	Hưng Yên	Trường THCS Lê Quý Đôn	22	23			22	41	Phòng 20
458	220458	NGUYỄN CAO THÁI	SƠN	Nam	28/06/2010	Bình Dương	Trường THCS An Điền	22	24			22	41	Phòng 20
459	220459	ĐẶNG MINH	TÀI	Nam	21/06/2010	Bình Dương	Trường THCS Lê Quý Đôn	22	23			22	41	Phòng 20
460	220460	NGUYỄN CHÍ	TÀI	Nam	29/10/2009	Cà Mau	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 20
461	220461	NGUYỄN QUỐC	TÀI	Nam	03/12/2009	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 20
462	220462	NGUYỄN TẤN	TÀI	Nam	25/02/2010	An Giang	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 20
463	220463	CHÂU VŨ	TÂM	Nam	06/07/2009	Bạc Liêu	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 20
464	220464	HỒ THỊ THANH	TÂM	Nữ	17/07/2010	Hà Tĩnh	Trường THCS An Điền	22	24			22	41	Phòng 20
465	220465	LÊ VĂN	TÂM	Nam	20/01/2010	Bình Dương	Trường THCS Lê Quý Đôn	22	23			22	41	Phòng 20
466	220466	NGUYỄN NGỌC	TÂM	Nữ	15/05/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 20
467	220467	NGUYỄN THỊ KHÁNH	TÂM	Nữ	29/12/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24	1	DT	22	41	Phòng 20
468	220468	NGUYỄN MINH	TẤN	Nam	12/10/2010	TP. Cần Thơ	Trường THCS Lê Quý Đôn	22	23			22	41	Phòng 20
469	220469	HỒ SỸ	THÁI	Nam	03/12/2010	Nghệ An	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 20
470	220470	PHAN BÁ	THÁI	Nam	29/03/2010	Bình Dương	Trường THCS An Điền	22	24			22	41	Phòng 20
471	220471	NGUYỄN HOÀNG	THANH	Nam	26/01/2010	Bình Dương	Trường THCS Lý Tự Trọng	22				22	41	Phòng 20
472	220472	TRẦN THỊ PHƯƠNG	THANH	Nữ	05/07/2010	Bình Dương	Trường THCS An Lập	22	24			22	41	Phòng 20
473	220473	NGUYỄN CHÍ	THÀNH	Nam	21/06/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 20
474	220474	NGUYỄN TẤN	THÀNH	Nam	10/03/2010	Đồng Tháp	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 20
475	220475	ĐẶNG THU	THẢO	Nữ	05/02/2010	An Giang	Trường THCS Lý Tự Trọng	22	27			22	41	Phòng 20
476	220476	LÊ PHƯƠNG	THẢO	Nữ	22/03/2009	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 20
477	220477	NGUYỄN THANH	THẢO	Nữ	22/01/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Bình Trọng	22				22	41	Phòng 20
478	220478	NGUYỄN THỊ THANH	THẢO	Nữ	14/04/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 20
479	220479	PHẠM NGỌC	THẢO	Nam	12/02/2010	Bình Dương	Trường THCS Lê Quý Đôn	22	23			22	41	Phòng 20
480	220480	PHẠM THỊ PHƯƠNG	THẢO	Nữ	17/10/2010	Gia Lai	Trường THCS Bình Phú	22	23			22	41	Phòng 20

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BÌNH DƯƠNG

HĐCT SỐ 41 - THPT TÂY NAM

Khóa thi: 28,29 tháng 05 năm 2025

TT	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh (Tỉnh hoặc Thành phố)	Năm lớp 9	NV1	NV2	Điểm Ưu tiên, KK	Ghi chú Ưu tiên, KK gì?	Mã trường ĐKDT	Mã Hội đồng thi	Phòng thi đại trà
							học tại trường							
1	2	3	4	5	6	7	8	12	13	15	16	19	20	(22)
481	220481	THÁI NHƯ	THẢO	Nữ	30/09/2010	Bình Dương	Trường THCS Trần Bình Trọng	22				22	41	Phòng 21
482	220482	NGUYỄN THANH ĐẮC	THẮNG	Nam	24/09/2010	Bến Tre	Trường THCS Lê Quý Đôn	22	23			22	41	Phòng 21
483	220483	NGUYỄN NGỌC NHẢ	THI	Nữ	30/11/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 21
484	220484	CAO LÊ THÁI	THỊNH	Nam	10/11/2010	Bình Dương	Trường THCS Mỹ Thạnh	22	23			22	41	Phòng 21
485	220485	ĐẶNG QUỐC	THỊNH	Nam	19/09/2010	Bình Dương	Trường THCS Định Hòa	22	04			22	41	Phòng 21
486	220486	NGUYỄN PHÚC	THỊNH	Nam	06/10/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Phú An	22	24	1	DT	22	41	Phòng 21
487	220487	LÊ KIM	THOÀ	Nữ	09/05/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Thới Hòa	22	23			22	41	Phòng 21
488	220488	TRẦN NGỌC	THOÀNG	Nữ	03/08/2009	Cà Mau	Trường THCS Lý Tự Trọng	22	27			22	41	Phòng 21
489	220489	NGUYỄN CAO MINH	THUẬN	Nam	12/08/2010	Bình Dương	Trường THCS Thới Hòa	22	23			22	41	Phòng 21
490	220490	NGUYỄN ĐÌNH	THUẬN	Nam	27/10/2010	Bình Dương	Trường THCS Thới Hòa	22	23			22	41	Phòng 21
491	220491	NGUYỄN THANH	THUẬN	Nam	20/03/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 21
492	220492	VÕ THIÊN	THUẬN	Nam	29/05/2010	Bình Dương	Trường THCS Thới Hòa	22	23			22	41	Phòng 21
493	220493	PHAN ĐĂNG MINH	THÙY	Nữ	08/12/2010	Bình Dương	Trường THCS Lê Quý Đôn	22	23			22	41	Phòng 21
494	220494	TRẦN THỊ PHƯƠNG	THÙY	Nữ	07/06/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 21
495	220495	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THÙY	Nữ	23/08/2010	Hà Tĩnh	Trường THCS An Điền	22	24			22	41	Phòng 21
496	220496	NGUYỄN THỊ THU	THỦY	Nữ	27/06/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 21
497	220497	TRẦN THỊ HỒNG ANH	THỦY	Nữ	19/02/2010	Sóc Trăng	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 21
498	220498	ĐOÀN HUỲNH ANH	THƯ	Nữ	03/09/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 21
499	220499	LÊ ANH	THƯ	Nữ	25/01/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 21
500	220500	LÊ ANH	THƯ	Nữ	11/07/2010	Đồng Tháp	Trường THCS Thới Hòa	22	23			22	41	Phòng 21
501	220501	LÊ NGUYỄN ANH	THƯ	Nữ	03/12/2010	Bình Dương	Trường THCS Thới Hòa	22	23			22	41	Phòng 21
502	220502	NGUYỄN ANH	THƯ	Nữ	16/09/2010	Bình Dương	Trường THCS An Điền	22	24			22	41	Phòng 21
503	220503	NGUYỄN ĐỖ ANH	THƯ	Nữ	30/01/2010	Gia Lai	Trường THCS Lê Quý Đôn	22	23			22	41	Phòng 21
504	220504	NGUYỄN HOÀNG ANH	THƯ	Nữ	01/05/2010	Bến Tre	Trường THCS Thới Hòa	22	23			22	41	Phòng 21

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BÌNH DƯƠNG

HĐCT SỐ 41 - THPT TÂY NAM

Khóa thi: 28,29 tháng 05 năm 2025

TT	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh (Tỉnh hoặc Thành phố)	Năm lớp 9	NV1	NV2	Điểm Ưu tiên, KK	Ghi chú Ưu tiên, KK gì?	Mã trường ĐKDT	Mã Hội đồng thi	Phòng thi đại trà
							học tại trường							
1	2	3	4	5	6	7	8	12	13	15	16	19	20	(22)
505	220505	NGUYỄN THỊ MINH	THƯ	Nữ	12/12/2009	Bình Dương	Trường THCS An Điền	22	24			22	41	Phòng 22
506	220506	PHẠM MINH	THƯ	Nữ	10/12/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 22
507	220507	TRẦN ANH	THƯ	Nữ	25/03/2010	Bình Dương	Trường THCS Thới Hòa	22	23			22	41	Phòng 22
508	220508	TRẦN MINH	THƯ	Nữ	25/06/2010	Bình Dương	Trường THCS Bình Phú	22	17			22	41	Phòng 22
509	220509	TỬ NGUYỄN ANH	THƯ	Nữ	27/09/2010	Bình Dương	Trường THCS Bình Phú	22	23			22	41	Phòng 22
510	220510	VŨ THỊ ANH	THƯ	Nữ	21/09/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Thới Hòa	22	23	1	DT	22	41	Phòng 22
511	220511	DƯƠNG PHẠM BÍCH	THƯỜNG	Nữ	15/04/2010	Bình Dương	Trường THCS An Điền	22	24			22	41	Phòng 22
512	220512	NGUYỄN ANH	THƯỜNG	Nam	22/04/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 22
513	220513	NGUYỄN HOÀI	THƯỜNG	Nữ	22/08/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 22
514	220514	NGUYỄN THỊ NHƯ	THƯỜNG	Nữ	05/07/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 22
515	220515	NGUYỄN NGỌC BẢO	THY	Nữ	02/01/2010	Bình Dương	Trường THCS Bình Phú	22	17			22	41	Phòng 22
516	220516	NGUYỄN PHẠM BẢO	THY	Nữ	20/01/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 22
517	220517	PHẠM QUỲNH	THY	Nữ	13/02/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 22
518	220518	PHẠM THỊ BẢO	THY	Nữ	16/05/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 22
519	220519	PHAN BẢO	THY	Nữ	22/04/2010	Bình Dương	Trường THCS Mỹ Thạnh	22	23			22	41	Phòng 22
520	220520	TRẦN BẢO	THY	Nữ	21/03/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	21			22	41	Phòng 22
521	220521	LÊ NGỌC	TIỀN	Nữ	14/02/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 22
522	220522	NGUYỄN THỊ CẨM	TIỀN	Nữ	02/08/2010	Bình Dương	Trường THCS An Điền	22	24			22	41	Phòng 22
523	220523	NGUYỄN THỦY	TIỀN	Nữ	02/02/2010	Bình Dương	Trường THCS An Điền	22	24			22	41	Phòng 22
524	220524	TRỊNH THỊ	TIỀN	Nữ	15/03/2010	Bình Dương	Trường THCS An Điền	22	24			22	41	Phòng 22
525	220525	TRƯƠNG THỊ CẨM	TIỀN	Nữ	03/01/2010	Đồng Tháp	Trường THCS Phú An	22				22	41	Phòng 22
526	220526	VÕ THỦY	TIỀN	Nữ	17/12/2010	Bình Dương	Trường THCS Thới Hòa	22	23			22	41	Phòng 22
527	220527	BUI CAO	TIỀN	Nam	17/10/2010	Tiền Giang	Trường THCS Lê Quý Đôn	22	23			22	41	Phòng 22
528	220528	LÊ THANH	TIỀN	Nam	27/02/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 22

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BÌNH DƯƠNG

HĐCT SỐ 41 - THPT TÂY NAM

Khóa thi: 28,29 tháng 05 năm 2025

TT	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh (Tỉnh hoặc Thành phố)	Năm lớp 9	NV1	NV2	Điểm Ưu tiên, KK	Ghi chú Ưu tiên, KK gì?	Mã trường ĐKDT	Mã Hội đồng thi	Phòng thi đại trà
							học tại trường							
1	2	3	4	5	6	7	8	12	13	15	16	19	20	(22)
529	220529	TRẦN VĂN	TIẾN	Nam	31/01/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 23
530	220530	VŨ ANH	TIẾN	Nam	25/10/2010	Hải Dương	Trường THCS Chánh Phú Hòa	22	23			22	41	Phòng 23
531	220531	BÙI HÀ HOÀNG	TÍN	Nam	12/09/2010	Đồng Nai	Trường THCS An Điền	22	24			22	41	Phòng 23
532	220532	HỒ VĂN	TÍNH	Nam	26/12/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 23
533	220533	TRƯƠNG MINH	TÍNH	Nam	03/04/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 23
534	220534	NGUYỄN HUY	TOÀN	Nam	12/05/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Thới Hòa	22	23			22	41	Phòng 23
535	220535	NGUYỄN QUỐC	TOÀN	Nam	09/01/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 23
536	220536	LÊ THÁI	TÔN	Nam	10/08/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Lê Quý Đôn	22	23			22	41	Phòng 23
537	220537	CAO KIỀU HƯƠNG	TRÀ	Nữ	13/11/2010	Bình Dương	Trường THCS An Điền	22	24			22	41	Phòng 23
538	220538	ĐẶNG NGUYỄN NGỌC	TRÀ	Nữ	07/12/2010	Bình Dương	Trường THCS An Điền	22	24			22	41	Phòng 23
539	220539	HUỲNH BẢO	TRANG	Nữ	29/01/2010	Cà Mau	Trường THCS Lê Quý Đôn	22	23			22	41	Phòng 23
540	220540	LƯƠNG THỊ HUYỀN	TRANG	Nữ	26/10/2010	Thanh Hóa	Trường THCS Bình Phú	22	17			22	41	Phòng 23
541	220542	NGUYỄN THỊ HUYỀN	TRANG	Nữ	27/10/2010	Hà Tĩnh	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 23
542	220541	NGUYỄN THỊ HUYỀN	TRANG	Nữ	06/01/2010	Bình Dương	Trường THCS Thới Hòa	22	23			22	41	Phòng 23
543	220543	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	TRANG	Nữ	07/05/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Lê Quý Đôn	22	23			22	41	Phòng 23
544	220544	TRỊNH LÂM THUY	TRANG	Nữ	11/03/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 23
545	220545	TRỊNH THỊ HUYỀN	TRANG	Nữ	02/06/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 23
546	220546	TRỊNH THỊ MAI	TRANG	Nữ	27/03/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 23
547	220547	VÕ NGỌC HẠNH	TRANG	Nữ	01/10/2010	Bình Dương	Trường THCS và THPT Nguyễn Khuyến	22				22	41	Phòng 23
548	220548	ĐỒNG NỮ HUYỀN	TRÂM	Nữ	02/03/2010	Đồng Nai	Trường THCS An Điền	22	23			22	41	Phòng 23
549	220549	NGUYỄN BẢO	TRÂM	Nữ	06/06/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 23
550	220550	NGUYỄN QUỲNH	TRÂM	Nữ	19/05/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 23
551	220551	TRẦN NGỌC BẢO	TRÂM	Nữ	19/05/2010	Hà Tĩnh	Trường THCS Thới Hòa	22	23			22	41	Phòng 23
552	220552	TRƯƠNG THỊ QUẾ	TRÂM	Nữ	28/07/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 23

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BÌNH DƯƠNG

HĐCT SỐ 41 - THPT TÂY NAM

Khóa thi: 28,29 tháng 05 năm 2025

TT	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh (Tỉnh hoặc Thành phố)	Năm lớp 9	NV1	NV2	Điểm Ưu tiên, KK	Ghi chú Ưu tiên, KK gì?	Mã trường ĐKDT	Mã Hội đồng thi	Phòng thi đại trà
							học tại trường							
1	2	3	4	5	6	7	8	12	13	15	16	19	20	(22)
553	220553	HOÀNG VI HUYỀN	TRẦN	Nữ	28/11/2010	Lạng Sơn	Trường THCS Phú An	22	24	1	DT	22	41	Phòng 24
554	220554	HUỖNH QUẾ	TRẦN	Nữ	06/01/2010	An Giang	Trường THCS Lê Quý Đôn	22				22	41	Phòng 24
555	220555	NGUYỄN NGỌC	TRẦN	Nữ	06/10/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 24
556	220556	NÔNG THỊ KIM	TRẦN	Nữ	03/01/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 24
557	220557	TRẦN HOÀNG BẢO	TRẦN	Nữ	01/06/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 24
558	220558	LÊ MINH	TRÍ	Nam	03/04/2010	Bình Dương	Trường THCS Thới Hòa	22	23			22	41	Phòng 24
559	220559	NGUYỄN MINH	TRÍ	Nam	08/06/2010	Bình Dương	Trường THCS Thới Hòa	22	04			22	41	Phòng 24
560	220560	PHẠM MINH	TRÍ	Nam	16/08/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	04			22	41	Phòng 24
561	220561	TRẦN DƯƠNG	TRÍ	Nam	08/08/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 24
562	220562	VÕ MINH	TRÍ	Nam	11/05/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 24
563	220563	HUỖNH HOÀNG	TRIỀU	Nam	26/07/2010	Bình Dương	Trường THCS Thới Hòa	22	17			22	41	Phòng 24
564	220564	NGUYỄN THỊ KIỀU	TRINH	Nữ	08/02/2009	Thanh Hóa	Trường ngoại tỉnh	22	24			22	41	Phòng 24
565	220565	NGUYỄN VIỆT	TRINH	Nữ	12/11/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Thới Hòa	22	23			22	41	Phòng 24
566	220566	TRẦN THỊ TUYẾT	TRINH	Nữ	18/12/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 24
567	220567	TRƯƠNG NGỌC BẢO	TRINH	Nữ	10/03/2010	Quảng Trị	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 24
568	220568	BUI THỊ HỒNG	TRÚC	Nữ	19/08/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 24
569	220569	HUỖNH KIM	TRÚC	Nữ	19/09/2010	Bạc Liêu	Trường THCS Phú An	22	24	1	DT	22	41	Phòng 24
570	220570	NGÔ NHÃ	TRÚC	Nữ	19/02/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 24
571	220571	TRẦN LẠI YÊN	TRÚC	Nữ	25/03/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 24
572	220572	VÕ THỊ THANH	TRÚC	Nữ	31/08/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 24
573	220573	NGUYỄN QUỐC	TRUNG	Nam	12/11/2010	Hậu Giang	Trường THCS An Điền	22	24	1	DT	22	41	Phòng 24
574	220574	HỒ ĐỨC	TÚ	Nam	25/09/2010	Nghệ An	Trường THCS Thới Hòa	22	23			22	41	Phòng 24
575	220575	HUỖNH THỊ CẨM	TÚ	Nữ	01/03/2010	An Giang	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 24
576	220576	LÊ THỊ NGỌC	TÚ	Nữ	11/09/2010	Hậu Giang	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 24

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BÌNH DƯƠNG

HĐCT SỐ 41 - THPT TÂY NAM

Khóa thi: 28,29 tháng 05 năm 2025

TT	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh (Tỉnh hoặc Thành phố)	Năm lớp 9	NV1	NV2	Điểm Ưu tiên, KK	Ghi chú Ưu tiên, KK gì?	Mã trường ĐKDT	Mã Hội đồng thi	Phòng thi đại trà
							học tại trường							
1	2	3	4	5	6	7	8	12	13	15	16	19	20	(22)
577	220577	NGUYỄN NGỌC	TÚ	Nữ	22/03/2010	Bình Dương	Trường THCS Lê Quý Đôn	22	23			22	41	Phòng 25
578	220578	NGUYỄN THỊ CẨM	TÚ	Nữ	24/09/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 25
579	220579	TRẦN QUANG	TUÂN	Nam	23/03/2010	Bình Dương	Trường THCS Thới Hòa	22	23			22	41	Phòng 25
580	220580	DƯƠNG ĐÌNH	TUẤN	Nam	24/04/2010	Quảng Nam	Trường THCS An Điền	22	24			22	41	Phòng 25
581	220581	LÊ ANH	TUẤN	Nam	14/05/2010	Phú Thọ	Trường THCS Phú An	22	24	1	DT	22	41	Phòng 25
582	220582	NGUYỄN	TUẤN	Nam	09/10/2010	Bình Dương	Trường THCS Thới Hòa	22	23			22	41	Phòng 25
583	220583	NGUYỄN QUANG	TUẤN	Nam	09/07/2010	TP. Hải Phòng	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 25
584	220584	TRƯƠNG QUANG	TUẤN	Nam	09/02/2010	Quảng Ngãi	Trường THCS An Điền	22	24			22	41	Phòng 25
585	220585	NGÔ THỊ MỸ	TUYỀN	Nữ	24/09/2010	Bình Dương	Trường THCS An Điền	22	24	1	DT	22	41	Phòng 25
586	220586	NGUYỄN THỊ NGỌC	TUYỀN	Nữ	26/02/2009	Cà Mau	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 25
587	220587	TRẦN THỊ THANH	TUYỀN	Nữ	21/03/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 25
588	220588	LÊ TRẦN NGỌC	TUYẾT	Nữ	23/11/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 25
589	220589	TRỊNH ĐÌNH GIA	TƯỜNG	Nam	11/06/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS An Điền	22	24			22	41	Phòng 25
590	220590	PHAN TRẦN THẢO	UYÊN	Nữ	08/05/2010	Nghệ An	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 25
591	220591	LÊ KIM	VÀNG	Nữ	22/01/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Thới Hòa	22	23			22	41	Phòng 25
592	220592	NGUYỄN THANH	VĂN	Nam	07/03/2008	Bến Tre	Trường THCS An Điền	22	24			22	41	Phòng 25
593	220593	PHẠM HỒ TÚ	VĂN	Nữ	01/04/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 25
594	220594	HUỲNH THỊ THU	VĂN	Nữ	24/04/2010	An Giang	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 25
595	220595	LÊ THỊ THANH	VĂN	Nữ	02/08/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 25
596	220596	NGUYỄN THỊ TƯỜNG	VI	Nữ	29/07/2010	Bình Dương	Trường THCS An Điền	22	24			22	41	Phòng 25
597	220597	DƯƠNG QUỐC	VIỆT	Nam	22/04/2010	Hà Tĩnh	Trường THCS Lý Tự Trọng	22	23			22	41	Phòng 25
598	220598	LƯƠNG QUỐC	VIỆT	Nam	17/03/2010	Bà Rịa - Vũng Tàu	Trường THCS Thới Hòa	22	23			22	41	Phòng 25
599	220599	TRIỆU VĂN	VINH	Nam	27/11/2010	Vĩnh Phúc	Trường THCS An Điền	22	24			22	41	Phòng 25
600	220600	DƯƠNG NGỌC TƯỜNG	VY	Nữ	11/07/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Thới Hòa	22	23			22	41	Phòng 25

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BÌNH DƯƠNG

HĐCT SỐ 41 - THPT TÂY NAM

Khóa thi: 28,29 tháng 05 năm 2025

TT	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh (Tỉnh hoặc Thành phố)	Năm lớp 9	NV1	NV2	Điểm Ưu tiên, KK	Ghi chú Ưu tiên, KK gì?	Mã trường ĐKDT	Mã Hội đồng thi	Phòng thi đại trà
							học tại trường							
1	2	3	4	5	6	7	8	12	13	15	16	19	20	(22)
601	220601	ĐOÀN TRIỆU	VY	Nữ	29/11/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 26
602	220602	ĐỖ NGỌC TUỜNG	VY	Nữ	11/12/2010	Cà Mau	Trường THCS Lê Quý Đôn	22	23			22	41	Phòng 26
603	220603	LAI THANH	VY	Nữ	15/02/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24	1	DT	22	41	Phòng 26
604	220604	LÝ KIỀU	VY	Nữ	12/11/2010	Bình Dương	Trường THCS An Điền	22	24			22	41	Phòng 26
605	220605	NGUYỄN DƯƠNG THÚY	VY	Nữ	21/11/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 26
606	220607	NGUYỄN NGỌC TUỜNG	VY	Nữ	08/01/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 26
607	220606	NGUYỄN NGỌC TUỜNG	VY	Nữ	23/07/2009	Bình Phước	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 26
608	220608	NGUYỄN PHAN TUỜNG	VY	Nữ	09/09/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Bình Phú	22	17			22	41	Phòng 26
609	220609	NGUYỄN THANH	VY	Nữ	06/01/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 26
610	220610	NGUYỄN THỊ THẢO	VY	Nữ	11/10/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 26
611	220611	NGUYỄN THỊ TUỜNG	VY	Nữ	11/06/2010	Bình Định	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 26
612	220612	NGUYỄN VĂN TUỜNG	VY	Nữ	22/11/2010	Vĩnh Long	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 26
613	220613	PHAM NGỌC	VY	Nữ	26/05/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 26
614	220614	TẠ NHÃ	VY	Nữ	07/05/2009	Cà Mau	Trường THCS Bình Phú	22	17			22	41	Phòng 26
615	220615	TỔNG KIM	VY	Nữ	07/05/2010	Cà Mau	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 26

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BÌNH DƯƠNG

HĐCT SỐ 41 - THPT TÂY NAM

Khóa thi: 28,29 tháng 05 năm 2025

TT	SBD	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh (Tỉnh hoặc Thành phố)	Năm lớp 9	NV1	NV2	Điểm Ưu tiên, KK	Ghi chú Ưu tiên, KK gì?	Mã trường ĐKDT	Mã Hội đồng thi	Phòng thi đại trà
							học tại trường							
1	2	3	4	5	6	7	8	12	13	15	16	19	20	(22)
616	220616	TRẦN NGỌC YẾN	VY	Nữ	28/04/2010	Bình Dương	Trường THCS An Điền	22	24			22	41	Phòng 27
617	220617	TRẦN PHƯƠNG	VY	Nữ	20/04/2010	TP. Hồ Chí Minh	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 27
618	220618	TRƯƠNG THỊ YẾN	VY	Nữ	12/09/2010	Tây Ninh	Trường THCS Phú An	22	24	1	DT	22	41	Phòng 27
619	220619	TRƯƠNG TUỜNG	VY	Nữ	15/09/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 27
620	220620	VÕ TƯỜNG	VY	Nữ	28/08/2010	Đồng Nai	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 27
621	220621	VÕ NGỌC KIM	XUYẾN	Nữ	02/12/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 27
622	220622	HÀ NGỌC NHƯ	Ý	Nữ	19/05/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 27
623	220623	HUỖNH THỊ NHƯ	Ý	Nữ	26/06/2010	Bình Dương	Trường THCS Phú An	22	24	1	DT	22	41	Phòng 27
624	220624	LÊ NGỌC NHƯ	Ý	Nữ	12/06/2009	Đồng Tháp	Trường THCS Lê Quý Đôn	22				22	41	Phòng 27
625	220625	LÊ THỊ NHƯ	Ý	Nữ	21/03/2010	An Giang	Trường THCS Lê Quý Đôn	22				22	41	Phòng 27
626	220626	PHẠM NHƯ	Ý	Nữ	22/07/2010	Bình Dương	Trường THCS Tương Bình Hiệp	22	04			22	41	Phòng 27
627	220627	ĐOÀN NGỌC MAI	YẾN	Nữ	03/04/2010	Lâm Đồng	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 27
628	220628	LƯƠNG THỊ HOÀNG	YẾN	Nữ	15/06/2010	Bình Dương	Trường THCS Lê Quý Đôn	22	23			22	41	Phòng 27
629	220629	NGUYỄN THỊ KIM	YẾN	Nữ	02/03/2010	Tiền Giang	Trường THCS Phú An	22	24			22	41	Phòng 27
630	220630	NGUYỄN THUẬN HẢI	YẾN	Nữ	15/06/2010	Bình Dương	Trường THCS Thới Hòa	22	23			22	41	Phòng 27